

Bản án số:151/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Trục

2. Ông Cao Xuân Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022; Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y ; Sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C xã TK-BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B ; Sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C xã TK-BT, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phạm Thị Y trình bày: Chị Phạm Thị Y và anh Phạm Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiết Kế, huyện Bá Thước vào ngày 23/9/2013.

Chị Y và anh B chung sống cùng nhau hạnh phúc khoảng một năm thì mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh B uống rượu về đến nhà gây sự chửi bới chị Y. Anh B còn ghen tuông vô cớ đánh đập hành hạ chị Y. Chị Y đã cố chịu đựng nuôi con nhưng anh B không nhận thấy sai mà sửa chữa. Chị Y thấy mệt mỏi, áp lực và không còn tình cảm với anh B nên thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị Y và anh B có 02 hai con. Cháu Phạm Văn T, sinh ngày 21/5/2003 (đã thành niên) và cháu Phạm Văn M sinh ngày 06/12/2009. Khi ly hôn chị Y có tự nguyện để anh Bưng nuôi cháu M, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Y không yêu cầu phân chia tài sản để anh Phạm Văn B và các con sử dụng, sở hữu tài sản chung. Nợ chung không có.

Cháu Phạm Văn M có bản tự khai trình bày nguyện vọng ở cùng bố để tiếp tục đi học, mẹ đi làm nên cháu không đi theo mẹ.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Phạm Thị Y có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn anh Phạm Văn B. Giao cháu Phạm Văn M, sinh ngày 06/12/2009 cho anh Phạm Văn B nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Phạm Thị Y không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí đề nghị HĐXX buộc chị Phạm Thị Y chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán,

thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 227 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Y và anh Phạm Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân:* Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Y và anh Phạm Văn B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Phạm Thị Y ly hôn anh Phạm Văn B.

Về con chung. HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Phạm Văn M, sinh ngày 06/12/2009 cho anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Phạm Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định a khoản 5 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Y. Xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn anh Phạm Văn B

Về con chung: Giao cháu Phạm Văn M, sinh ngày 06/12/2009 cho anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Phạm Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Y có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008657 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước (chị Y đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị Y và anh Phạm Văn B. Chị Y và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên